

Học phần:					#NAME?							
Số tín chỉ:		Ngày thi:			#NAME?							Giờ
Số TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm BTTL	Mã đề	Điểm thi		
										Vấn đáp	Thi viết/B TL/B TTL	Điểm kết luận
Trọng số:												
1	B19DCCN002	Đặng Bình	An	D19CQCN02-B	5,0	2,5	0,0					
2	B18DCCN034	Phạm Quang	Anh	D18CQCN01-B	8,0	7,0	7,0					5
3	B19DCCN042	Trần Bảo	Anh	D19CQCN06-B	9,0	7,5	3,0					4
4	B16DCCN540	Nguyễn Thái	Bình	D16HTTT4	2,0	2,0	0,0					
5	B18DCCN059	Nguyễn Văn	Công	D18CQCN04-B	8,0	4,5	4,0					0
6	B16DCAT018	Phùng Chí	Công	D16CQAT02-B	5,0	4,0	1,0					
7	B19DCCN086	Nguyễn Tú	Cường	D19CQCN02-B	3,0	6,0	1,0					0
8	B18DCCN092	Nguyễn Đức	Doanh	D18CQCN04-B	9,0	9,0	7,0					7
9	B19DCCN153	Nguyễn Hoàng	Dương	D19CQCN09-B	9,0	7,5	5,0					7
10	B19DCAT039	Trương Như	Đạt	D19CQAT03-B	9,0	9,0	6,0					5
11	B19DCPT077	Nguyễn Thị	Hậu	D19CQPT02-B	6,0	2,5	5,0					0
12	B18DCCN206	Nguyễn Minh	Hiền	D18CQCN08-B	7,0	1,0	0,0					
13	B17DCAT067	Vũ Ngọc	Hiền	D17CQAT03-B	4,0	4,0	3,0					0
14	B19DCCN232	Lê Minh	Hiền	D19CQCN04-B	8,0	5,5	5,0					7
15	B19DCCN239	Đoàn Anh	Hiếu	D19CQCN11-B	9,0	9,0	8,0					9
16	B17DCCN227	Hoàng Khắc Minh	Hiếu	D17HTTT5	4,0	4,5	6,0					5
17	B19DCAT078	Bùi Minh	Hoàng	D19CQAT02-B	4,0	2,0	0,0					
18	B19DCCN275	Lê Huy	Hoàng	D19CQCN11-B	9,0	7,5	7,0					7
19	B19DCCN292	Đỗ Văn	Hùng	D19CQCN04-B	6,0	5,0	5,0					4
20	B18DCCN257	Phạm Ngọc	Hùng	D18CQCN04-B	6,0	5,0	4,0					4
21	B19DCAT087	Nguyễn Gia	Huy	D19CQAT03-B	4,0	6,5	1,0					5,5
22	B18DCCN290	Nguyễn Thị Thu	Hường	D18CQCN04-B	6,0	5,0	3,0					0
23	B18DCCN298	Tổng Duy	Khải	D18CQCN01-B	8,0	9,0	7,0					5
24	B18DCCN301	Nguyễn Trọng	Khang	D18CQCN04-B	5,0	4,5	0,0					
25	B16DCAT082	Nguyễn Văn Bảo	Khanh	D16CQAT02-B	5,0	4,5	1,0					0
26	B18DCCN335	Bùi Hoàng	Long	D18CQCN05-B	4,0	2,5	7,0					0
27	B18DCAT141	Hoàng Quế	Long	D18CQAT01-B	3,0	2,0	0,0					
28	B18DCAT142	Kiều Tuấn	Long	D18CQAT02-B	3,0	4,0	7,0					5
29	B18DCCN362	Trần Hoàng	Long	D18CQCN10-B	5,0	2,0	3,0					3
30	B18DCVT274	Hoàng Đình	Lộc	E18CQCN02-B	7,0	7,0	3,0					7
31	B19DCCN415	Lê Công	Mạnh	D19CQCN07-B	7,0	7,0	3,0					8
32	B15DCCN346	Nguyễn Phúc	Mạnh	D15HTTT3	3,0	1,0	5,0					7
33	B18DCCN434	Phạm Phương	Nam	D18CQCN05-B	8,0	4,5	3,0					0
34	B18DCCN443	Nguyễn Thị	Ngát	D18CQCN03-B	8,0	7,5	4,0					5

Học phần:					#NAME?							
Số tín chỉ:		Ngày thi:			#NAME?							Giờ
Số TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm BTTL	Mã đề	Điểm thi		
										Vấn đáp	Thi viết/B TL/B TTL	Điểm kết luận
Trọng số:												
35	B19DCCN459	Vũ Quang	Ninh	D19CQCN03-B	4,0	6,5	4,0					5
36	B15DCAT130	Nguyễn Duy	Phong	D15CQAT02-B	9,0	5,0	4,0					7
37	B18DCAT183	Nguyễn Hoàng	Phong	D18CQAT03-B	6,0	4,5	4,0					4
38	B17DCCN508	Ngô Minh	Quang	D17HTTT2	4,0	4,5	3,0					0
39	B18DCAT192	Bùi Minh	Quân	D18CQAT04-B	6,0	7,0	0,0					
40	B18DCCN498	Nguyễn Anh	Quốc	D18CQCN03-B	5,0	6,5	3,0					0
41	B16DCCN503	Linda	Sipaseu	D16HTTT4	2,0	0,0	0,0					
42	B18DCCN512	Lê Hồng	Sơn	D18CQCN06-B	4,0	6,5	0,0					
43	B17DCCN582	Trương Công	Thọ	D17HTTT3	7,0	3,0	6,0					4
44	B19DCCN589	Hà Duy Mạnh	Toàn	D19CQCN01-B	8,0	7,5	4,0					5
45	B19DCCN597	Phạm Đình	Tới	D19CQCN09-B	7,0	1,0	4,0					7
46	B16DCAT173	Phạm Thanh	Tùng	D16CQAT01-B	5,0	4,5	3,0					5
47	B17DCCN027	Nguyễn Hoàng	Anh	D17HTTT2	4,0	0,0	0,0					
48	B17DCAT011	Phạm Công Đức	Anh	D17CQAT03-B	3,0	4,0	0,0					
49	B19DCCN143	Tạ Phương	Duy	D19CQCN11-B	6,0	5,0	6,0					8
50	B18DCAT042	Vũ Đức	Duy	E18CQCN02-B	9,0	7,5	6,0					7
51	B19DCCN152	Mai Đại	Dương	D19CQCN08-B	5,0	4,5	0,0					
52	B19DCCN155	Nguyễn Ngọc	Dương	D19CQCN11-B	9,0	5,5	7,0					
53	B17DCCN184	Hoàng Bảo	Giang	D17CNPM2	5,0	6,5	3,0					4
54	B16DCAT053	Nguyễn Khắc	Hiệp	D16CQAT01-B	7,0	2,0	5,0					5
55	B19DCAT069	Nguyễn Văn	Hiếu	D19CQAT01-B	8,0	3,5	4,0					0
56	B19DCCN266	Trần Đình	Hòa	D19CQCN02-B	5,0	3,0	0,0					
57	B18DCAT095	Bùi Huy	Hoàng	D18CQAT03-B	6,0	4,5	5,0					0
58	B18DCAT101	Nguyễn Minh	Học	D18CQAT01-B	5,0	2,0	0,0					
59	B18DCDT089	Đỗ Ngọc	Hùng	E18CQCN02-B	8,0	1,0	5,0					7
60	B17DCCN282	Ngô Đức	Hùng	E17CQCN01-B	9,0	8,0	7,0					4
61	B18DCCN265	Hoàng Quang	Huy	D18CQCN01-B	9,0	7,5	7,0					8
62	B19DCAT105	Nguyễn Hữu Vinh	Khánh	D19CQAT01-B	7,0	6,5	0,0					
63	B17DCCN348	Phạm Minh	Khoa	D17CNPM6	6,0	3,0	3,0					0
64	B18DCAT135	Nguyễn Trần Trung	Lâm	D18CQAT03-B	7,0	4,5	6,0					8
65	B18DCAT143	Lương Hoàng	Long	D18CQAT03-B	6,0	0,0	0,0					
66	B18DCAT144	Ngô Hải	Long	D18CQAT04-B	7,0	7,0	8,0					8
67	B18DCVT257	Nguyễn Bảo	Long	E18CQCN02-B	9,0	7,5	6,0					7
68	B18DCAT145	Nguyễn Hải	Long	E18CQCN02-B	7,0	1,0	0,0					

Học phần:					#NAME?							
Số tín chỉ:		Ngày thi:			#NAME?							Giờ 1
Số TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm BTTL	Mã đề	Điểm thi		
										Vấn đáp	Thi viết/BTL/BTTL	Điểm kết luận
Trọng số:												
69	B19DCCN397	Nguyễn Thành	Long	D19CQCN01-B	7,0	5,0	3,0					5
70	B19DCAT119	Trần Việt	Long	D19CQAT03-B	9,0	9,0	8,0					5
71	B19DCCN447	Lưu Tiến	Nam	D19CQCN03-B	9,0	3,5	7,0					7
72	B16DCCN241	Phạm Văn	Nam	D16CNPM1	9,0	8,0	5,0					0
73	B19DCCN455	Phùng Thanh	Nam	D19CQCN11-B	6,0	5,0	1,0					0
74	B19DCCN501	Thiếu Quang	Phong	D19CQCN09-B	9,0	8,0	7,0					3
75	B19DCAT138	Trần Hoàng	Phong	D19CQAT02-B	7,0	3,0	6,0					7
76	B19DCAT145	Nguyễn Đoàn	Quân	D19CQAT01-B	9,0	3,5	7,0					7
77	B19DCPT187	Nguyễn Công	Quyền	D19CQPT02-B	4,0	2,5	4,0					0
78	B19DCAT154	Nguyễn Tùng	Sơn	D19CQAT02-B	2,0	0,0	0,0					
79	B18DCCN519	Phạm Đình	Sơn	D18CQCN02-B	9,0	7,5	7,0					8
80	B16DCAT140	Phạm Hải	Sơn	D16CQAT04-B	4,0	4,5	3,0					0
81	B16DCCN523	Nguyễn Thành	Thái	D16CNPM4	8,0	7,5	0,0					
82	B19DCCN645	Lê Văn	Thanh	D19CQCN09-B	8,0	8,0	6,0					7
83	B17DCCN570	Nguyễn Văn	Thành	D17CNPM3	9,0	4,5	3,0					
84	B18DCCN530	Đỗ Văn	Tiến	D18CQCN02-B	9,0	7,5	7,0					8
85	B17DCCN605	Nguyễn Minh	Tiến	D17CNPM2	5,0	2,5	1,0					4
86	B18DCCN543	Nguyễn Văn	Toàn	D18CQCN04-B	9,0	5,5	6,0					7
87	B17DCCN646	Lê Trọng	Tuân	D17HTTT5	8,0	7,0	4,0					7
88	B19DCCN621	Vũ Văn	Tuấn	D19CQCN09-B	9,0	9,0	7,0					7
89	B17DCCN685	Hoàng Quốc	Việt	D17CNPM1	2,0	0,0	0,0					
90	B17DCCN689	Nguyễn Tuấn	Việt	D17CNPM2	3,0	0,0	0,0					